TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2022/HNGĐ- ST
Ngày 26– 9- 2022
" *V/v: Ly hôn,*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Tha.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Minh Mẫn.

2. Bà Bùi Thị Hà.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện CưM'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 222/2022/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị D, sinh năm 19XX – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 19XX – Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Thôn A, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn *Lâm Thị D* ***trình bày:*** Tôi (Lâm Thị D) và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 22/5/2019. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không có trách nhiệm đối với gia đình, thường cờ bạc dẫn đến nợ nần nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn thương yêu nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

Về con chung: Giữa tôi và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hà M, sinh ngày 0x/0x/20xx; cháu còn nhỏ đang ở với tôi, tôi là nhân viên có thu nhập ổn định và có điều kiện nuôi dưỡng cháu M nên tôi có nguyện vọng nuôi cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Ngọc H nhưng anh H đều vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai, không hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lâm Thị D. Chị Lâm Thị D được ly hôn với anhNguyễn Ngọc H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Hà M cho Chị D nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi;

Về án phí: Chị Lâm Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2].Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị D và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 22/5/2019, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng sống không hạnh phúc; nguyên nhân do anh H thường xuyên đánh bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Quá trình xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng Chị D anh H tại địa phương thì: Chị D và anh H hiện không còn chung sống với nhau và đã ly thân, không chung sống cùng nhau từ tháng 8/2020 đến nay. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Như vậy việc Chị D làm đơn ly hôn với anh H là chính đáng cần được chấp nhận.

[4].Về con chung: Giữa Chị D và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hà M, sinh ngày 0x/0x/20xx. Xét yêu cầu của đương sự cũng như điều kiện để chăm sóc con chung; Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Ngọc Hà M cho chị Lâm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp;

Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lâm Thị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Thị D;

Chị Lâm Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Hà M, sinh 0x/0x/20xx cho chị Lâm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi;

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Lâm Thị D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 60AA/2021/0008282, ngày 07/6/2022 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM’gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- UBND X.Suối Rao, H.Châu Đức, T. Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Văn Tha